

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HS-ST.

Ngày: 29/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí;
2. Ông Phạm Văn Tiền; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố KonTum, tỉnh KonTum.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum, tỉnh KonTum tham
gia phiên tòa:*** Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29-12-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2017/HS-ST ngày 28-11-2017 đối với bị cáo:

Trần Đình Đ, sinh năm 1974 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 9, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Số 55 N, phường D, thành phố K, tỉnh KonTum; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; cha nuôi ông Trần Đình C, sinh năm 1922 (đã chết) và mẹ nuôi bà Lê Thị H, sinh năm 1934 (đã chết); Tiền sự: không; Tiền án: Có 04 tiền án.

- Năm 1994 bị tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Trốn khỏi nơi giam*”.

- Năm 1996 bị tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Năm 1998 bị tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án số 213/2007/HS-ST, ngày 21-6-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 11 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 15 năm tù. Ngày 09/10/2016, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017, đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1969; trú tại: Số 88 N, phường N, thành phố K, tỉnh KonTum. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; trú tại: Số 57 L, thành phố K, tỉnh KonTum. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08h00’ ngày 12/08/2017, trong lúc uống cà phê tại quán Phô trên đường Đoàn Thị Điểm, phường Quyết Thắng, thành phố Kon tum, Trần Đình Đ nghe bà Trần Thị Bích L nói chuyện với bạn (không rõ lý lịch) về việc mua bán gỗ cây cao su. Lúc này Đ nảy sinh ý định lừa bà L để lấy tiền nên đến tự xưng là Nguyễn Ngọc D và nói có lô cao su muốn bán, tưởng thật nên bà L đồng ý đồng thời cho số điện thoại của mình và hẹn ngày đi xem cây.

Ngày 14/08/2017, Đ đưa bà L đến một lô cao su tại thôn Đ, xã Đ, thành phố K (*Lô cao su này là tài sản của ông Nguyễn Văn T*) và nói đây là lô cao su của

mình. Sau khi kiểm tra, bà L đồng ý mua của Đức 220 cây cao su trong lô trên với giá 90.000.000 (*Chín mươi triệu đồng*) và thỏa thuận cho Đ ứng trước 5.000.000 (*Năm triệu đồng*), số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi bà L khai thác đủ 220 cây.

Ngày 16/08/2017, Đức nhờ Huỳnh Tấn H đến lô cao su mà Đ hứa bán cho bà L đếm cây cao su để bán và hứa trả công cho H 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*), H đồng ý. Sau đó Đ và H dẫn bà L, ông Tô Đình D cùng một số người khác (không rõ lai lịch do ông D thuê cưa cây cao su) đến lô cao su của ông T để cưa cây. Lúc này, H ở lại trông coi còn Đ đi với bà L để nhận số tiền còn lại mà hai bên đã thỏa thuận mua bán. Trong lúc ông D cùng thợ cưa đổ 13 cây cao su và vạt gốc được 26 cây cao su thì ông T phát hiện, ngăn chặn. Thấy vậy, H gọi điện cho Đ thông báo việc ông T không cho cưa cây, Đ biết bị lộ nên bỏ trốn.

Ngày 18/08/2017, Đ bị cơ quan công an thành phố K phát hiện bắt và thu giữ trên người Đ số tiền 500.000 (*Năm trăm nghìn đồng*) trong tổng số 5.000.000 (*Năm triệu đồng*) mà Đ đã lừa chiếm đoạt của bà L.

Tại bản cáo trạng số 86/CTr-VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị can Trần Đình Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù và giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng với nội dung bản cáo trạng truy tố 86/CTr-VKS ngày 28/11/2017

của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 12/08/2017, bị cáo Trần Đình Đ đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa bán vườn cây cao su không phải của mình là chủ sở hữu cho bà Trần Thị Bích L với số tiền thỏa thuận là 90.000.000 đồng nhưng thực tế bị cáo chỉ mới chiếm đoạt được 5.000.000 đồng thì bị phát hiện ngăn chặn. Như vậy, với hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Trần Thị Bích L số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Trần Đình Đ đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bản thân bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này đã có 04 tiền án về các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Trốn khỏi nơi giam*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Cướp tài sản*”. Tại bản án số 213/2007/HS-ST, ngày 21-6-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 11 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 15 năm tù giam, bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” đến ngày 09/10/2016 chấp hành xong hình phạt tù và chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo tiếp tục thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố số 86/Ctr-VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Trần Đình Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Bản thân bị cáo Trần Đình Đ có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần được học tập, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để rèn luyện, tu chí, hoàn lương mà bị cáo vẫn tiếp tục

phạm tội, chúng tỏ bị cáo là người lười lao động chân chính nhưng lại thích có tiền tiêu xài cá nhân nên đã bất chấp, coi thường pháp luật và coi thường tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

Xong cũng cần xem xét sau khi phạm tội và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Trong vụ án này còn có đối tượng Huỳnh Tấn H là người được Đ thuê đi đếm cây cao su nhưng bản thân H không biết hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của Đ nên cơ quan CSĐT Công an thành phố K không xử lý trách nhiệm là đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Tô Đức D và một số người khác (không rõ lai lịch) là những người được bà L thuê đi cưa cây cao su, bản thân ông D và những người này không biết đây là tài sản hợp pháp của ông T, nên cơ quan CSĐT Công an thành phố K không xử lý trách nhiệm là đúng quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan CSĐT công an thành phố K thu giữ: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn đồng y), số serial: GK14267255; 01 ĐTDD màu vàng, nhãn hiệu BMW; 01 sim số di động có số serial: 8984040667004932408; 01 sim số di động có số serial: 8984048008820183083.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT công an thành phố K xác định và trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Bích L 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 (Năm

trăm nghìn đồng), số serial: GK14267255. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đề cập.

Đối với 01 ĐTDĐ màu vàng, nhãn hiệu BMW bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để liên lạc trong khi thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 sim số di động có số serial 8984040667004932408 và 01 sim số di động có số serial: 8984048008820183083 giá trị sử dụng không đáng kể nên Hội đồng xét xử xét tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà Trần Thị Bích L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Trần Đình Đ bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cũng không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội.

Bị cáo Trần Đình Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Đình Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Đình Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/8/2017.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 ĐTDD màu vàng, nhãn hiệu BMW đã qua sử dụng.

Tịch thu, tiêu hủy 01 sim số di động có số serial 8984040667004932408 và 01 sim số di động có số serial: 8984048008820183083.

Tất cả theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/12/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Đình Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-12-2017) bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP. KonTum;
- Công an TP. KonTum;
- Chi cục THA DS TP. KonTum;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

